

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33** /2025/DS-ST

Ngày: 25-7-2025

*“ V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Bá Bảo

2. Bà Phạm Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Phú Huy, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 34/2025/TLST- DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty T2** (gọi tắt là S); Địa chỉ: Tòa nhà G, số E L, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đinh Minh T (Theo Văn bản uỷ quyền số 0294/UQ-TGD ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tổng Giám đốc Công ty T2 trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2).

Đại diện theo uỷ quyền lại: Công ty L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C - chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ trụ sở: đường L, khối phố T, phường H, thành phố Đà Nẵng (theo giấy uỷ quyền số 0689/2024/UQ-SHB FC ngày 13/11/2024 của ông Đinh Minh T)

Người được công ty L uỷ quyền tham gia tố tụng là ông Lê Văn T1, sinh năm: 2000; Địa chỉ: A B, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (N là phường H,

thành phố Đà Nẵng) (Theo Hợp đồng ủy quyền số 243/2024/UQ-LTT ngày 25/12/2024 của ông Nguyễn Thành C). (Ông Lê Văn T1 có Đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Phạm Văn K**, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Số H P, phường S, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 12 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T1 trình bày:

Vào ngày 02/06/2023 Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 (gọi tắt là S) và ông Phạm Văn K đã ký kết “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng” số 112306026284132. Theo nội dung hợp đồng: S cho ông Phạm Văn K vay số tiền 58.850.000 (Năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) mục đích vay để vay tiêu dùng cá nhân theo hình thức trả góp hằng tháng với lãi suất 3.92%/tháng (tương đương với lãi suất 47%/năm). Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông K có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 tháng, mỗi tháng ông K phải thanh toán cho S số tiền 3.095.000 đồng vào trước hoặc đúng ngày đầu tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng.

Tuy nhiên, sau khi S giải ngân số tiền 58.850.000 đồng và ông K đã nhận đủ số tiền vay tiêu dùng cá nhân nhưng từ ngày 12/10/2023 đến nay, ông K đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng trên và cố tình lẩn tránh, mặc dù S đã nhiều lần yêu cầu ông K thanh toán.

Việc ông K không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng tín dụng số 112306026284132 mà hai bên đã thỏa thuận và ký kết nên ông K phải chịu lãi quá hạn và các khoản lãi khác do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo như hợp đồng. Tính đến ngày 25/7/2025 ông K còn nợ của S Finance tiền là 119.441.960 đồng, trong đó nợ gốc là 55,591,984 đồng, nợ lãi là 63.849.976 đồng

Nay S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K thanh toán cho S số tiền 119.441.960 đồng, trong đó nợ gốc là 55,591,984 đồng, nợ lãi là 63.849.976 đồng và buộc ông Phạm Văn K phải tiếp tục thanh toán cho S tiền lãi phát sinh do nợ quá hạn, lãi quá hạn, các loại phí theo Hợp đồng tín dụng số 112306026284132 kể từ ngày 26/7/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đối với bị đơn ông Phạm Văn K:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử,

Quyết định hoãn phiên tòa ông Phạm Văn K trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay ông Phạm Văn K vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tố tụng:

Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn K đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng ông Phạm Văn K vẫn vắng mặt.

Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đại diện uỷ quyền của nguyên đơn và ông Phạm Văn K.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 đối với ông Phạm Văn K về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Phạm Văn K phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 số tiền là 119.441.960 đồng (Một trăm mười chín triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn chín trăm sáu mươi đồng), trong đó nợ gốc là 55.591.984 đồng, nợ lãi là 63.849.976 đồng và ông K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo hợp đồng đã ký kể từ ngày 26/7/2025 cho đến khi thanh toán xong cho Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ theo “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay” số 112306026284132 ngày 02/06/2023. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thẩm quyền:

Bị đơn có địa chỉ tại số H P, phường S, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng.

[3] Đại diện uỷ quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Phạm Văn K đã được tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng ông Phạm Văn K vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đại diện uỷ quyền của nguyên đơn và ông Phạm Văn K.

Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc và lãi:

[4.1] Căn cứ các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, HĐXX có cơ sở xác định:

Vào ngày 02 tháng 6 năm 2023, S và ông Phạm Văn K ký kết “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay” số 112306026284132, ông Phạm Văn K có vay của S số tiền 58.850.000 (Năm mươi tám triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo hình thức trả góp hằng tháng với lãi suất 3.92%/tháng (tương đương với lãi suất 47%/năm), mục đích tiêu dùng cá nhân, theo thỏa thuận trong hợp đồng thì ông K có trách nhiệm thanh toán bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 tháng, mỗi tháng ông K phải thanh toán cho S số tiền 3.095.000 đồng vào trước hoặc đúng ngày đầu tháng cho đến khi kết thúc hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng ông K đã trả được cho S 07 lần với số tiền 13.283.000đ, kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2023 ông K không thanh toán bất cứ khoản nợ nào cho S, mặc dù S đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà ông K thanh toán, vì vậy ông K đã vi phạm Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên S khởi kiện yêu cầu ông K trả số tiền nêu trên là có cơ sở căn cứ phù hợp với các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4.2] Hội đồng xét xử xét thấy: “Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng cho vay” số 112306026284132 được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, Hợp đồng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015 và các điều 23, 27, 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[4.3] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định ông K còn nợ S tổng số tiền tính đến ngày 25/7/2025 là: 119.441.960 đồng, trong đó nợ gốc là 55,591,984 đồng, nợ lãi là 63.849.976 đồng. Do vậy, buộc ông K phải có nghĩa vụ trả cho S tiền gốc, lãi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Toà án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N, Điều 463, Điều 466 BLDS năm 2015.

[4.4] Ông K còn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 26/7/2025 cho đến khi ông K trả dứt điểm số tiền nợ theo lãi suất đã thoả thuận tại hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho S.

[5] Tại phiên toà, quan điểm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 Đà Nẵng phù hợp với qua điểm HĐXX nên chấp nhận.

Về án phí DSST: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.972.098 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Các điều 117, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các điều 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án;
- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

Tuyên bố: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T2 đối với ông Phạm Văn K về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Xử:

1. Buộc ông Phạm Văn K phải có nghĩa vụ trả cho Công ty T2 số tiền là 119.441.960 đồng (Một trăm mười chín triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn chín trăm sáu mươi đồng). Trong đó nợ gốc là 55.591.984 đồng, nợ lãi là 63.849.976 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2025) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Văn K có nghĩa vụ nộp là đồng 5.972.098 đồng (Năm triệu chín trăm bảy mươi hai ngàn không trăm chín mươi tám đồng)

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty T2 Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng TMCP T2 số tiền 2.335.563 đồng (Hai triệu ba trăm ba mươi lăm ngàn năm trăm sáu mươi ba đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0007768 ngày 21/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 2 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

